



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 01

Số 10 (15/01/2008)

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
---------------	--------------------	-------

THÀNH PHỐ

28-12-2007	Quyết định số 145/2007/QĐ-UBND phê duyệt Chương trình phát triển công nghệ thông tin - truyền thông thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2007 - 2010.	3
28-12-2007	Quyết định số 146/2007/QĐ-UBND ban hành Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	17
28-12-2007	Quyết định số 147/2007/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch thực hiện chủ đề “Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị”.	23

HUYỆN CẦN GIỜ

25-12-2007	Quyết định số 11/2007/QĐ-UBND về thành lập Thanh tra Xây dựng huyện Cần Giờ và Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn.	28
------------	---	----

28-12-2007 - Chỉ thị số 05/2007/CT-UBND về tăng cường phòng, chống tội phạm đảm bảo an ninh trật tự, giữ gìn trật tự giao thông Tết Mậu Tý năm 2008.

50

THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 145/2007/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 12 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình phát triển công nghệ
thông tin - truyền thông thành phố Hồ Chí Minh
giai đoạn 2007 - 2010**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 246/2005/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 331/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển nguồn nhân lực về công nghệ thông tin từ nay đến năm 2010;

Căn cứ Quyết định số 51/2007/QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp phần mềm Việt Nam đến năm 2010;

Căn cứ Quyết định số 56/2007/QĐ-TTg ngày 03 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp nội dung số Việt Nam đến năm 2010;

Căn cứ Quyết định số 75/2007/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng

Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển công nghiệp điện tử Việt Nam đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Bưu chính, Viễn thông tại Tờ trình số 06/TTr-SBCVT ngày 03 tháng 10 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Chương trình phát triển công nghệ thông tin - truyền thông thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2007 - 2010.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin thành phố, Giám đốc Sở Bưu chính, Viễn thông, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH

**Phát triển công nghệ thông tin - truyền thông
thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2007 - 2010**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 145/2007/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. HIỆN TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1. Hiện trạng ứng dụng công nghệ thông tin:

a) Hạ tầng viễn thông - internet:

Tổng số thuê bao điện thoại đạt 8,16 triệu thuê bao, với hơn 1,57 triệu thuê bao điện thoại cố định và 6,59 triệu thuê bao điện thoại di động.

Số thuê bao Internet băng thông rộng đạt 372.750 thuê bao, tổng số thuê bao Internet dial up đạt 541.365 thuê bao. Tổng số cơ sở kinh doanh dịch vụ Internet công cộng có trên 4.574 điểm.

Đang triển khai và vận hành hệ thống mạng Metronet phục vụ Chính phủ điện tử kết nối sở - ban - ngành, quận - huyện: Hoàn tất đợt 1 kết nối hệ thống thông tin các cấp vào hệ thống mạng, gồm có 1 Sở, 3 quận và 36 điểm Megawan cấp phường/xã tham gia kết nối.

b) Hạ tầng công nghệ thông tin:

Hiện tại đã có 34 sở - ngành và 22 quận - huyện được đầu tư xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin đảm bảo vận hành hệ thống đang triển khai tại các đơn vị, bao gồm:

- Máy trạm: 5.181 bộ, trước năm 2005 có 4.040 bộ; đầu tư mới theo chương trình Chính phủ điện tử từ năm 2005 là 1.141 bộ.

- Server: 277 bộ, trước năm 2005 có 127 bộ; đầu tư mới theo chương trình Chính phủ điện tử từ năm 2005 là 150 bộ.

- Switch: 384 bộ, trước năm 2005 có 266 bộ, đầu tư mới theo chương trình Chính phủ điện tử từ năm 2005 là 118 bộ.

- Máy in: 1.922 bộ, trước năm 2005 có 1.841 bộ; đầu tư mới theo chương trình Chính phủ điện tử từ năm 2005 là 81 bộ.

- Kiosk tra cứu thông tin: 12 bộ.

- Mã vạch: 19 bộ.

c) Phần mềm, cơ sở dữ liệu:

Tại các quận - huyện:

- Phần mềm xây dựng môi trường làm việc điện tử (G2E) - 4 phần mềm, gồm: Trang tin tích hợp quản lý hành chính phục vụ lãnh đạo; phần mềm tiếp nhận và hoàn trả hồ sơ theo mô hình một cửa; phần mềm Quản lý báo cáo tuần; phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc.

- Phần mềm dịch vụ công (G2C và G2B) - 5 phần mềm, gồm: phần mềm Quản lý tiếp nhận và cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; phần mềm tiếp nhận và giải quyết hồ sơ về văn hóa; phần mềm tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đăng ký sử dụng lao động; phần mềm Quản lý chứng thực; phần mềm Quản lý xử lý vi phạm hành chính.

- Phần mềm về quản lý đất đai - xây dựng (ứng dụng GIS) - 8 phần mềm, gồm: phần mềm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phần mềm Giao thuê đất; phần mềm Cấp phép xây dựng; phần mềm Quản lý hồ sơ đất đai xây dựng; phần mềm Quản lý biến động; phần mềm Quản lý đất đai và lập hồ sơ địa chính; phần mềm Quản lý xây dựng và cấp đổi sổ nhà; Web Quản lý đô thị.

- Phần mềm Quản lý hộ tịch đã triển khai đến cấp phường - xã.

Tại các sở - ngành:

Hiện có 5 đơn vị, gồm Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thương mại, Sở Văn hóa và Thông tin, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ đã triển khai 23 phần mềm quản lý và 10 dịch vụ công phục vụ cho công tác quản lý chuyên môn như đăng ký cấp phép kinh doanh, cấp phép và quản lý văn phòng đại diện, quản lý văn hóa, thông tin, quản lý khoa học, công nghệ...; hiện thành phố cũng đang nghiên cứu 17 phần mềm ứng dụng mã nguồn mở và đã sử dụng 6 phần mềm phục vụ cho công tác quản lý hành chính và tích hợp thông tin.

Cơ sở dữ liệu: đã xây dựng được cơ sở dữ liệu về dân cư, kinh tế, văn hóa, lao động, đất đai, xây dựng... và sẽ triển khai, vận hành các phần mềm tại các quận - huyện, sở - ngành.

d) Ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước trong việc phục vụ người dân và doanh nghiệp:

- Hiện có 66 Website của sở - ban - ngành, quận - huyện đã được xây dựng và tích hợp trên HCM Cityweb. Các trang Web này không chỉ cung cấp thông tin kinh tế - xã hội, văn hóa trên địa bàn, tình hình hoạt động của các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, công nghiệp, nông nghiệp, Khu Công nghệ cao, bưu chính - viễn thông, đầu tư, thương mại,... mà còn giới thiệu các quy trình quản lý Nhà nước như đóng thuế, hoàn thuế, đăng ký thành lập doanh nghiệp, xin cấp phép xây dựng, thành lập bệnh viện tư nhân, giới thiệu các lô đất được chào bán đấu giá, giá đất tại mỗi con đường của thành phố...

- “Một cửa điện tử” cấp thành phố: tính đến tháng 6 năm 2007 “một cửa điện tử” đã có 7.038 lượt truy cập qua hệ thống điện thoại và tin nhắn. Trên cơ sở hệ thống tin được xây dựng từ 17 phần mềm, thực hiện kết nối tự động và cung cấp thông tin cho “Một cửa điện tử”, giúp cho việc công khai và minh bạch quá trình xử lý, người dân và lãnh đạo có phương tiện giám sát các dịch vụ công. Đến nay đã có 16 quận - huyện tham gia cung cấp tình trạng hồ sơ hành chính cho người dân qua hệ thống “một cửa điện tử” với phương thức truyền dữ liệu qua VPN Internet.

- Xây dựng các Kiosk để người dân có thể tra cứu thông tin trực tiếp tại các quận - huyện, sở - ngành.

- Đưa Cổng giao dịch doanh nghiệp vào hoạt động với các nội dung chính: giao dịch trực tuyến, đào tạo trực tuyến, tư vấn, liên kết các website trong nước và quốc tế, cập nhật, cung cấp thông tin, dịch vụ về thị trường, thương mại điện tử. Đến nay Cổng giao dịch doanh nghiệp “thuận mua vừa bán” đã có hơn 180.000 lượt người truy cập, trung bình số lượng truy cập là gần 2.000 lượt/ngày. Hiện nay, đã có 2.000 doanh nghiệp với hơn 3.300 sản phẩm tham gia cung cấp thông tin trên Cổng.

Dịch vụ công qua mạng:

- Cấp phép qua mạng: thực hiện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư và giấy phép thành lập văn phòng đại diện qua mạng.

- Ứng dụng công nghệ thông tin để xử lý hồ sơ qua mạng đối với cấp Giấy phép xây dựng; Giấy chứng nhận sở hữu nhà ở; Giấy chứng nhận sử dụng đất ở; Thủ tục hải quan; Thủ tục thuế; Quản lý hộ tịch; Giải quyết khiếu nại tố cáo và trong các hoạt động tư pháp.

đ) Các hệ thống thông tin:

Xây dựng các hệ thống thông tin quản lý nhà nước cấp sở - ngành. Bước đầu hình thành các hệ thống thông tin dân cư, đất đai và xây dựng, doanh nghiệp làm cơ sở để phát triển thành các hệ thống thông tin văn hóa - xã hội, quản lý đô thị và kinh tế.

e) Nguồn nhân lực công nghệ thông tin:

Đào tạo nhân lực công nghệ thông tin: hiện thành phố có 22 trường đào tạo cử nhân, cao đẳng chính quy, 50 trung tâm đào tạo phi chính quy, 100 cơ sở phổ cập tin học. Hàng năm, Thành phố có thể cung cấp khoảng 11.000 chuyên viên trình độ cao đẳng trở lên và khoảng 25.000 lao động chuyên nghiệp.

Đào tạo trong cơ quan nhà nước: Hoạt động đào tạo được tổ chức linh hoạt, kết hợp giữa đào tạo tập trung và hỗ trợ đào tạo tại chỗ. Đã tổ chức đào tạo trên 300 lượt cán bộ tin học, tập huấn gần 1.000 cán bộ lãnh đạo và công chức vận hành các hệ thống thông tin; đào tạo ứng dụng tin học tập trung cho 3.100 cán bộ, công chức hành chính; tính đến nay, đã đào tạo 3.384 cán bộ, công chức và tổ chức lớp xóa mù, phổ cập tin học cho 150 cán bộ Hội Phụ nữ.

Liên kết đào tạo với các tổ chức nước ngoài: hợp tác với AOTS của Nhật Bản tổ chức lớp bồi dưỡng chuẩn kỹ sư công nghệ thông tin cho 30 học viên. Phối hợp với CICC tổ chức các lớp đào tạo về quản trị dự án công nghệ thông tin cho 26 đối tượng là chuyên viên đang công tác tại các đơn vị và doanh nghiệp công nghệ thông tin.

2. Công nghiệp công nghệ thông tin:

Công nghệ thông tin:

Doanh nghiệp công nghệ thông tin trong nước: hiện có 1.104 doanh nghiệp hoạt động chuyên ngành về công nghệ thông tin với tổng vốn đăng ký là 889 tỷ đồng, có tổng doanh thu của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố năm 2005 là 332 triệu USD, trong đó có gần 80 triệu USD từ doanh thu phần mềm.

Doanh nghiệp công nghệ thông tin nước ngoài: hiện có 106 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin với tổng vốn đăng ký 1,1 tỷ USD (trong đó có tập đoàn Intel đầu tư 1 tỷ USD vào Khu Công nghệ cao).

Hiện thành phố có khoảng 4 doanh nghiệp có trên 300 nhân viên và 10 doanh nghiệp có trên 100 nhân viên.

Điện tử:

Doanh nghiệp điện tử trong nước: hiện có 930 doanh nghiệp thuộc khối sản xuất với tổng vốn đăng ký trên 3.000 tỷ đồng.

Doanh nghiệp điện tử có vốn đầu tư nước ngoài: hiện có 125 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký trên 1 tỷ USD.

Tập đoàn Nidec Corporation đầu tư 500 triệu USD ở thành phố, trong đó đầu tư 100 triệu USD vào dự án của Nidec Sankyo và 50 triệu USD vào dự án của Nidec

Tosok. Nhà máy của hai dự án này đã được Tập đoàn Nidec khởi công xây dựng tại Khu Công nghệ cao thành phố và dự kiến vận hành sản xuất vào tháng 6 năm 2006. Nidec đang tính toán sẽ đầu tư một nhà máy trị giá 350 triệu USD sản xuất motor dùng cho ô tô, dự kiến sẽ đặt tại Khu Công nghệ cao thành phố hoặc một nơi khác nếu điều kiện thành phố không cho phép.

Công viên phần mềm Quang Trung vẫn là nơi thu hút đầu tư quan trọng cho phát triển công nghiệp phần mềm thành phố, phát huy lợi thế của môi trường tập trung nhiều doanh nghiệp để đẩy mạnh liên kết marketing, mở rộng thị trường, tập hợp các công ty mạnh để trở thành nguồn lực quan trọng cho sự phát triển ngành công nghiệp phần mềm thành phố.

Phát triển hoạt động của Phòng Thí nghiệm mở (Open LAB), hỗ trợ chuyển giao công nghệ và bản địa hóa sản phẩm, hợp tác với các công ty đa quốc gia Sun, IBM, Intel, Oracle trong phát triển sản phẩm công nghệ nguồn mở và đào tạo nhân lực.

II. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm:

Ngành Công nghệ thông tin và truyền thông là ngành kinh tế mũi nhọn, góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế, thúc đẩy các ngành, lĩnh vực cùng phát triển, tăng cường năng lực công nghệ quốc gia trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhà nước ưu tiên, quan tâm hỗ trợ và khuyến khích phát triển công nghệ thông tin.

Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin và truyền thông phải đảm bảo chất lượng, đồng bộ, chuyển dịch nhanh về cơ cấu theo hướng tăng nhanh tỷ lệ nguồn nhân lực có trình độ kỹ thuật cao, tăng cường năng lực công nghệ thông tin và truyền thông quốc gia.

Nhà nước tăng cường đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và sản xuất. Khuyến khích phát triển thị trường trong nước để tạo đà cho các ngành thuộc công nghiệp công nghệ thông tin phát triển nhanh và bền vững.

2. Mục tiêu:

2.1. Mục tiêu chung:

Phát triển thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm công nghệ thông tin - truyền thông của cả nước và của khu vực.

Hình thành, xây dựng và phát triển thành phố điện tử đạt trình độ trung bình khá trong khu vực với chính quyền điện tử, doanh nghiệp điện tử, công dân điện tử, đẩy mạnh giao dịch và thương mại điện tử.

2.2. Mục tiêu phát triển các lĩnh vực chủ yếu:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông xây dựng thành phố Hồ Chí Minh trở thành thành phố điện tử với chính quyền điện tử, doanh nghiệp điện tử và công dân điện tử.

*** Chính quyền điện tử:**

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước ở các cấp chính quyền:

100% quận - huyện, 90% sở và 80% ngành có hệ thống thông tin tác nghiệp.

100% thông tin thuộc các hệ thống thông tin tác nghiệp được luân chuyển qua mạng nội bộ và mạng truyền dẫn tốc độ cao.

*** Dịch vụ công qua mạng:**

- Cấp phép qua mạng: thực hiện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư và giấy phép thành lập văn phòng đại diện qua mạng.

- Ứng dụng công nghệ thông tin để xử lý hồ sơ qua mạng đối với cấp Giấy phép xây dựng; Giấy chứng nhận sở hữu nhà ở; Giấy chứng nhận sử dụng đất ở; Thủ tục hải quan; Thủ tục thuế; Quản lý hộ tịch; Giải quyết khiếu nại tố cáo và trong các hoạt động tư pháp.

100% các hệ thống thông tin có hệ thống bảo mật an toàn và được khai thác có hiệu quả.

100% cán bộ, công chức sử dụng thành thạo các phần mềm tác nghiệp trong lĩnh vực chuyên môn và các ứng dụng công nghệ thông tin phổ biến khác.

*** Doanh nghiệp điện tử:**

Trên 80% doanh nghiệp loại vừa có website cung cấp, tìm kiếm thông tin và giao dịch. 50% doanh nghiệp loại nhỏ sẽ có website để cung cấp thông tin.

Xây dựng hạ tầng đảm bảo cho 100% doanh nghiệp nhỏ tham gia giao dịch điện tử.

Tạo điều kiện để 100% doanh nghiệp thực hiện báo cáo thống kê, khai báo thuế, thực hiện thủ tục hải quan, đăng ký và được cấp phép kinh doanh qua mạng.

*** Công dân điện tử:**

90% công dân có nhu cầu đều có điều kiện sử dụng điện thoại, internet và máy tính.

95% cán bộ, công chức chuyên môn trong cơ quan nhà nước sử dụng thành thạo máy tính trong tác nghiệp; 95% cán bộ y tế được phổ cập tin học và 95% cán bộ quản

lý, giáo viên biết ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong giảng dạy và công tác.

95% thanh niên có kỹ năng sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin truyền thông và khai thác Internet.

*** Viễn thông - Internet:**

Điện thoại cố định: 30 - 35 máy/100 dân.

Điện thoại di động: đáp ứng đủ nhu cầu phát triển.

Thuê bao Internet: 35 - 40 thuê bao/100 dân (60% băng thông rộng).

Người dùng Internet: 70 - 80% dân số thành phố sử dụng Internet.

100% cơ sở giáo dục, cơ sở y tế và Bru điện văn hóa xã có kết nối Internet băng rộng.

100% các hộ gia đình có nhu cầu đều có điều kiện sử dụng dịch vụ Internet băng thông rộng.

b) Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin - truyền thông:

*** Công nghiệp phần mềm và dịch vụ:**

Đạt tốc độ tăng trưởng trung bình khoảng 40%/năm và đạt tổng doanh thu khoảng 320 triệu USD.

Xây dựng được trên 2 doanh nghiệp phần mềm có quy mô nhân lực trên 1.000 người và 80 doanh nghiệp phần mềm có quy mô nhân lực từ 100 người đến 300 người.

*** Công nghiệp nội dung số:**

Đạt tốc độ tăng trưởng trung bình khoảng 40%/năm và tổng doanh thu khoảng 160 triệu USD.

Xây dựng được 2 doanh nghiệp nội dung số mạnh có trên 500 lao động.

*** Công nghiệp điện tử:** đạt tốc độ tăng trưởng trung bình khoảng 25%/năm và tổng doanh thu đạt khoảng 1,6 tỷ USD.

c) Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông:

Phát triển mạng cáp quang đến tất cả các xã/phường, khu dân cư, cao ốc trong thành phố.

Triển khai cáp quang để cung cấp dịch vụ đến từng gia đình trong nội thành (Fiber to the home).

Hoàn thành phủ sóng mạng truy cập dữ liệu không dây (Wifi, Wimax) tại toàn bộ khu trung tâm, khu vực trọng điểm của thành phố.

Tối ưu hóa số lượng trạm thu phát sóng di động dựa trên việc xây dựng quy hoạch và sử dụng chung hạ tầng.

d) Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin - truyền thông:

Phát triển thành phố Hồ Chí Minh thành trung tâm đào tạo và cung cấp nhân lực lớn cho khu vực. Đến năm 2010, hàng năm cung cấp khoảng 30.000 chuyên viên công nghệ thông tin cho thành phố và khu vực.

III. CÁC CHÍNH SÁCH VÀ GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện môi trường pháp lý, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và hỗ trợ phát triển công nghệ thông tin - truyền thông:

Triển khai thực hiện Pháp lệnh Bưu chính, viễn thông, Luật Giao dịch điện tử, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Công nghệ thông tin và các Nghị định hướng dẫn.

Thực hiện ưu đãi đầu tư phát triển công nghệ thông tin - truyền thông theo quy định của Chính phủ. Xây dựng, ban hành các quy định cụ thể về ưu đãi đầu tư phù hợp với điều kiện của thành phố và đúng theo luật pháp chung.

Nâng cao hiệu lực thực thi bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực sản xuất và ứng dụng phần mềm.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao năng lực quản lý về công nghệ thông tin - truyền thông.

Cải thiện môi trường đầu tư, thiết lập môi trường giao dịch và kinh doanh trên mạng thuận lợi, đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin.

Hỗ trợ phát triển thị trường trong nước và nước ngoài; hỗ trợ doanh nghiệp xúc tiến đầu tư và tăng cường xuất khẩu sản phẩm ra thị trường ngoài nước.

2. Phát triển ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông:

a) Đẩy mạnh xây dựng Chính phủ điện tử:

Xây dựng đồng bộ hệ thống thông tin quản lý hành chính tại các quận - huyện và sở - ngành.

Xây dựng các hệ thống thông tin chuyên ngành gồm dân cư, đất đai - xây dựng, doanh nghiệp, khoa học công nghệ, văn hóa, xã hội; tạo luồng thông tin tự động, đẩy mạnh kết nối giữa các hệ thống thông tin.

Xây dựng và nâng cấp kiến trúc công nghệ thông tin, viễn thông của toàn thành phố, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trên mạng.

Hoàn thành xây dựng hệ thống “một cửa điện tử” cung cấp thông tin về tình trạng hồ sơ và tiến tới “một cửa điện tử” giải quyết hồ sơ hành chính.

b) Hỗ trợ và khuyến khích xây dựng doanh nghiệp điện tử:

Tư vấn, tuyên truyền nâng cao nhận thức và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Cung cấp thông tin kinh tế cho các doanh nghiệp và xúc tiến, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia thương mại điện tử, tăng cường hợp tác quốc tế về thương mại điện tử.

Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử trong các cơ quan nhà nước, cung cấp các dịch vụ công hỗ trợ thương mại điện tử.

3. Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin - truyền thông:

a) Phát triển công nghiệp phần mềm:

Hỗ trợ, phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp phần mềm.

Xây dựng và đẩy mạnh phát triển các khu công nghiệp phần mềm tập trung.

Tăng cường xúc tiến thương mại và phát triển thị trường gia công xuất khẩu phần mềm.

b) Phát triển công nghiệp nội dung số:

Hỗ trợ, phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp; số hóa các tài nguyên số; nghiên cứu và phát triển các dịch vụ trực tuyến phục vụ giáo dục, y tế, thương mại, giải trí và phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử (e-banking).

Phát triển nội dung số trong dịch vụ viễn thông di động, dịch vụ Internet.

Phát triển các dịch vụ mới phù hợp xu hướng hội tụ công nghệ giữa phát thanh, truyền hình, công nghệ thông tin và viễn thông; giữa viễn thông di động và cố định.

c) Phát triển công nghiệp điện tử - công nghệ thông tin:

Nhóm sản phẩm định hướng bao gồm: máy tính và các thiết bị ngoại vi thông tin - viễn thông; điện tử y tế; điện tử công nghiệp; đo lường và tự động hóa; sản xuất linh kiện, phụ tùng và sản phẩm phụ trợ.

Đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm để đáp ứng thị trường trong nước và xuất khẩu.

4. Phát triển hạ tầng viễn thông - Internet:

Tập trung đầu tư, áp dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến, phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng nhu cầu phát triển.

Phát triển mạng cáp quang, cung cấp các dịch vụ cáp quang đến từng hộ gia đình. Khuyến khích phát triển hạ tầng đảm bảo cung cấp dịch vụ 3 trong 1 (điện thoại, truyền hình và Internet).

Phát triển mạng lưới viễn thông hiện đại tại các khu đô thị mới, các công trình mới.

Tăng cường công tác kiểm tra và quản lý chất lượng dịch vụ, mạng viễn thông và Internet.

5. Phát triển nguồn nhân lực:

Triển khai đổi mới chương trình đào tạo, tăng tỷ lệ thực hành ở các môn công nghệ thông tin và truyền thông. Khuyến khích giảng dạy công nghệ thông tin - truyền thông và tăng thời lượng học bằng tiếng Anh. Triển khai chương trình đào tạo kỹ sư/cử nhân công nghệ thông tin bằng tiếng nước ngoài theo mô hình 1 + 4 (1 năm đào tạo ngoại ngữ và 4 năm đào tạo chuyên môn bằng ngoại ngữ đó). Tạo điều kiện cho các trường đại học quốc tế mở các ngành học về công nghệ thông tin - truyền thông.

Tuyển chọn các sinh viên giỏi hoặc người đã tốt nghiệp gửi đi đào tạo tại nước ngoài để trở thành các chuyên gia về công nghệ thông tin - truyền thông.

Mở rộng quy mô đào tạo, tăng số chuyên viên, kỹ sư công nghệ thông tin được đào tạo tốt nghiệp hàng năm tại thành phố, ở tất cả các loại hình đào tạo. Triển khai chương trình 4 + 1 (sinh viên tốt nghiệp các ngành khác được đào tạo thêm 1 năm về công nghệ thông tin để trở thành chuyên gia công nghệ thông tin phục vụ chuyên ngành).

Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước, tiến tới xây dựng Chính phủ điện tử; đảm bảo đa số cán bộ, công chức có khả năng sử dụng thư điện tử và trao đổi thông tin qua mạng.

Đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin và lãnh đạo công nghệ thông tin (CIO) trong các cơ quan Đảng và cơ quan quản lý Nhà nước.

6. Giải pháp về quy hoạch:

- Quy hoạch công nghệ thông tin:

Quy hoạch các khu công nghệ thông tin tập trung tại các khu đô thị mới, các quận ven, các huyện ngoại thành.

Quy hoạch các khu công nghệ thông tin tập trung, không có ranh giới xác định tại các quận nội thành.

- Quy hoạch hạ tầng viễn thông:

Quy hoạch hệ thống ngầm của thành phố trong đó có hệ thống cáp viễn thông.

Quy hoạch hệ thống cáp treo; hệ thống trạm thu phát sóng viễn thông di động theo định hướng dùng chung hạ tầng.

7. Huy động nguồn lực và thu hút đầu tư:

Thành phố bố trí đủ nguồn vốn ngân sách theo kế hoạch được phê duyệt hàng năm và tranh thủ sự hỗ trợ từ nước ngoài để phục vụ phát triển công nghệ thông tin - truyền thông và Chính phủ điện tử.

Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào công nghệ thông tin - truyền thông, đặc biệt là thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài từ các tập đoàn lớn, tập đoàn đa quốc gia.

Huy động tối đa nguồn lực xã hội và các nguồn vốn trong nước.

IV. CÁC CHƯƠNG TRÌNH NHÁNH VÀ CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM

1. Các chương trình:

Chương trình phát triển Chính phủ điện tử do Sở Bưu chính, Viễn thông tiếp tục triển khai, các sở - ngành, quận - huyện thực hiện theo kế hoạch hàng năm và kết thúc tổng kết giai đoạn 1 vào năm 2010.

Chương trình phát triển thương mại điện tử do Sở Thương mại xây dựng, Sở Bưu chính, Viễn thông và các đơn vị liên quan phối hợp thực hiện; hoàn thành việc lập chương trình trong năm 2007.

Chương trình phát triển công nghiệp phần mềm do Sở Bưu chính, Viễn thông chủ trì; hoàn thành việc lập chương trình trong năm 2007.

Chương trình phát triển công nghiệp nội dung số do Sở Bưu chính, Viễn thông chủ trì; hoàn thành việc lập chương trình trong năm 2007.

Chương trình phát triển công nghiệp điện tử do Sở Bưu chính, Viễn thông chủ trì; hoàn thành việc lập chương trình trong năm 2007.

2. Các dự án, đề án:

Dự án xây dựng Trung tâm Chứng thực điện tử và triển khai thực hiện chữ ký số do Sở Bưu chính, Viễn thông chủ trì; hoàn thành trong năm 2009.

Dự án quy hoạch các khu công nghệ thông tin tập trung do Sở Quy hoạch - Kiến trúc chủ trì; hoàn thành trước tháng 6 năm 2008.

Dự án quy hoạch hệ thống ngầm do Sở Quy hoạch - Kiến trúc chủ trì; hoàn thành trước tháng 6 năm 2008.

Dự án chuẩn đoán bệnh từ xa do Sở Y tế chủ trì; hoàn thành trong năm 2008.

Đề án quy hoạch các trạm thu phát sóng viễn thông di động do Sở Bưu chính, Viễn thông chủ trì; hoàn thành trong năm 2008.

Đề án thành lập Quỹ Hỗ trợ phát triển nhân lực công nghệ thông tin - truyền thông do Sở Bưu chính, Viễn thông chủ trì; hoàn thành trong năm 2007.

Đề án xây dựng chính sách thu hút đầu tư công nghệ thông tin - truyền thông do Sở Bưu chính, Viễn thông chủ trì; hoàn thành trong năm 2008.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sở Bưu chính, Viễn thông chủ trì, phối hợp với các sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện thành phố tổ chức thực hiện Chương trình này; tổ chức cung cấp thông tin, dự báo, theo dõi cập nhật, đánh giá tình hình triển khai thực hiện Chương trình; tổng hợp báo cáo và đề xuất các cơ chế chính sách cần thiết để thúc đẩy thực hiện thành công Chương trình.

Các sở - ban - ngành và Ủy ban nhân dân các quận - huyện căn cứ vào các nội dung, giải pháp trong Chương trình để xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, dự án phù hợp. Việc triển khai thực hiện các chương trình, dự án phải đảm bảo sự phối hợp, lồng ghép có hiệu quả với các chương trình, dự án khác về công nghệ thông tin - truyền thông./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 146/2007/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 12 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin
cho báo chí trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Báo chí ngày 28 tháng 12 năm 1989; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí ngày 12 tháng 6 năm 1999;

Căn cứ Nghị định số 51/2002/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2002 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật Báo chí; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí;

Căn cứ Quyết định số 77/2007/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thông tin tại Công văn số 2627/SVHTT ngày 03 tháng 10 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Văn hóa và Thông tin chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố,

Giám đốc Sở Văn hóa và Thông tin, Thủ trưởng các sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 146/2007/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

Quy chế này quy định về chế độ phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh theo các quy định của pháp luật về báo chí hiện hành.

Điều 2. Người phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí

1. Người phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của cơ quan hành chính Nhà nước là người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước hoặc là người được người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước giao nhiệm vụ phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí. Họ tên và chức vụ người phát ngôn của cơ quan hành chính Nhà nước phải được công bố bằng văn bản cho các cơ quan báo chí và cơ quan quản lý Nhà nước về báo chí.

2. Trong trường hợp cần thiết, người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước có thể ủy quyền cho người có trách nhiệm thuộc cơ quan mình phát ngôn hoặc phối hợp cùng người phát ngôn để phát ngôn hoặc cung cấp thông tin cho báo chí về những vấn đề cụ thể được giao.

3. Người được người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước giao nhiệm vụ phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí phải bảo đảm các tiêu chuẩn sau:

a) Là cán bộ, công chức thuộc biên chế chính thức và đang công tác tại cơ quan hành chính Nhà nước;

b) Có lập trường chính trị, tư tưởng vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, có thái độ trung thực, khách quan;

c) Có am hiểu sâu về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và lĩnh vực quản lý của cơ quan hành chính Nhà nước mà mình đang công tác; có hiểu biết nhất định về lĩnh vực báo chí, nắm vững các quy định pháp luật về báo chí;

d) Có năng lực phân tích, tổng hợp, xử lý thông tin báo chí và có khả năng giao tiếp với báo chí.

4. Giao Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố là người phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của Ủy ban nhân dân thành phố. Thành lập Tổ phối hợp cung cấp thông tin cho báo chí gồm đại diện lãnh đạo: Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Hội Nhà báo thành phố, Sở Ngoại vụ, Sở Văn hóa và Thông tin do Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố làm Tổ trưởng.

5. Các cá nhân của cơ quan hành chính Nhà nước không được giao nhiệm vụ phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí thì không được nhân danh cơ quan hành chính Nhà nước để phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí; không được tiết lộ bí mật điều tra, bí mật công vụ, thông tin sai sự thật, không trung thực khi cung cấp thông tin cho báo chí.

Chương II

PHÁT NGÔN VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN CHO BÁO CHÍ

Điều 3. Phát ngôn và cung cấp thông tin định kỳ

1. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì, phối hợp với các Thủ trưởng sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện có liên quan tổ chức cung cấp thông tin cho báo chí theo định kỳ 1 tháng một lần về hoạt động và công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân thành phố bằng hình thức thông tin tại cuộc họp giao ban báo chí tháng và đăng tải trên Trang tin điện tử của Ủy ban nhân dân thành phố.

Trang tin điện tử của Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm cập nhật thông tin theo các quy định hiện hành để cung cấp kịp thời, chính xác thông tin chính thống cho các cơ quan báo chí trên địa bàn thành phố.

2. Thủ trưởng các sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện tổ chức cung cấp thông tin định kỳ cho báo chí về hoạt động của cơ quan mình, về lĩnh vực, địa bàn thuộc phạm vi quản lý của mình, thông qua các hình thức sau:

a) Hàng tháng hoặc ít nhất 3 tháng một lần cung cấp thông tin định kỳ cho báo chí trên trang tin điện tử của cơ quan mình;

b) Ít nhất 6 tháng một lần tổ chức họp báo để cung cấp thông tin định kỳ cho báo chí. Việc tổ chức họp báo thực hiện theo quy định hiện hành.

c) Khi thấy cần thiết, cơ quan hành chính Nhà nước tổ chức cung cấp thông tin định kỳ cho báo chí bằng văn bản hoặc thông tin trực tiếp tại các cuộc giao ban hàng tuần do Sở Văn hóa và Thông tin chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Thành ủy và Hội Nhà báo thành phố thực hiện.

Điều 4. Phát ngôn và cung cấp thông tin trong trường hợp đột xuất, bất thường

Người phát ngôn có trách nhiệm phát ngôn và cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho báo chí trong các trường hợp đột xuất, bất thường sau đây:

1. Khi thấy cần thiết phải thông tin trên báo chí về các sự kiện, vấn đề quan trọng, gây tác động lớn trong xã hội trên địa bàn thành phố thuộc phạm vi quản lý của cơ quan mình nhằm định hướng và cảnh báo kịp thời trong xã hội; về quan điểm và cách xử lý của thành phố, các cơ quan hành chính Nhà nước có liên quan đối với các sự kiện, vấn đề đó.

Trường hợp xảy ra vụ việc cần có ngay ý kiến ban đầu của cơ quan hành chính thì người phát ngôn có trách nhiệm chủ động phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí trong thời gian chậm nhất là hai (02) ngày, kể từ khi vụ việc xảy ra.

2. Khi cơ quan báo chí hoặc cơ quan chỉ đạo, quản lý Nhà nước về báo chí có yêu cầu phát ngôn hoặc cung cấp thông tin về các sự kiện, vấn đề của cơ quan, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan được nêu trên báo chí.

3. Khi có căn cứ cho rằng báo chí đăng tải thông tin sai sự thật về lĩnh vực, địa bàn do cơ quan mình quản lý và yêu cầu cơ quan báo chí đó phải đăng tải ý kiến phản hồi, cải chính theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền và trách nhiệm của Người phát ngôn

1. Người phát ngôn được nhân danh, đại diện cơ quan hành chính Nhà nước phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí. Chỉ những thông tin do người phát ngôn cung cấp mới được coi là thông tin chính thống của cơ quan hành chính Nhà nước.

Cơ quan báo chí, nhà báo có trách nhiệm đưa tin, phản ánh trung thực nội dung phát ngôn và thông tin do người phát ngôn cung cấp, đồng thời phải ghi rõ họ tên người phát ngôn, cơ quan hành chính Nhà nước của người phát ngôn.

2. Người phát ngôn có quyền yêu cầu các đơn vị, cá nhân có liên quan trong cơ quan mình cung cấp thông tin, tập hợp thông tin để phát ngôn, cung cấp thông tin định kỳ, đột xuất cho báo chí theo quy định tại Điều 3, Điều 4 của Quy chế này; để trả lời các phản ánh, kiến nghị, phê bình, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, công dân do cơ quan báo chí chuyển đến hoặc đưa tin trên báo chí theo quy định của pháp luật.

3. Người phát ngôn có quyền từ chối, không phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí trong các trường hợp sau:

a) Những vấn đề thuộc bí mật Nhà nước; những vấn đề bí mật thuộc nguyên tắc và quy định của Đảng; những vấn đề không thuộc quyền hạn phát ngôn;

b) Các vụ án đang được điều tra hoặc chưa xét xử, trừ trường hợp các cơ quan hành chính Nhà nước, cơ quan điều tra có yêu cầu cần thông tin trên báo chí những vấn đề có lợi cho hoạt động điều tra và công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm;

c) Những văn bản chính sách, đề án đang trong quá trình soạn thảo mà theo quy định của pháp luật chưa được cấp có thẩm quyền cho phép phổ biến, lấy ý kiến rộng rãi trong xã hội.

4. Người phát ngôn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung phát ngôn và thông tin cung cấp cho báo chí.

Trong trường hợp người phát ngôn không phải là người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước thì còn phải chịu trách nhiệm trước người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước về tính chính xác, tính trung thực của nội dung phát ngôn và thông tin cung cấp cho báo chí.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Giám đốc Sở Văn hóa và Thông tin có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc các sở - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các cơ quan báo chí thực hiện Quy chế này và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ cho Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 147/2007/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 12 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Kế hoạch thực hiện chủ đề
“Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị”**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết Hội nghị Thành ủy lần thứ 9, Khóa VIII;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2007/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2007 của Hội đồng nhân dân thành phố về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch “Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị” nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước trên lĩnh vực trật tự an toàn giao thông, xây dựng nếp sống văn minh đô thị, bảo vệ môi trường và cảnh quan đô thị trên địa bàn thành phố.

Điều 2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố căn cứ theo nhiệm vụ, tình hình của đơn vị và nội dung Kế hoạch “Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị” để xây dựng chương trình, kế hoạch hành động cụ thể, thiết thực, nhằm thực hiện có hiệu quả cao nhất tại địa phương, đơn vị mình.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn, Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị, các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

“Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị”
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 147/2007/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Để triển khai chủ đề “Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị” đã được Hội đồng nhân dân thành phố, kỳ họp lần thứ 12, khóa VII thông qua, Ủy ban nhân dân thành phố xác định một số nội dung và giải pháp chủ yếu cần tập trung thực hiện như sau:

I. MỤC TIÊU VÀ YÊU CẦU

1. Tạo sự chuyển biến về nhận thức trong nhân dân thành phố, nhất là lực lượng thanh thiếu niên thành phố về ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật nói chung, ý thức chấp hành pháp luật giao thông đường bộ nói riêng. Phấn đấu giảm ùn tắc giao thông, giảm tai nạn giao thông trên địa bàn thành phố.

2. Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, xây dựng văn hóa ứng xử văn minh lịch sự tại nơi công cộng. Xử nghiêm những hành vi gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị, sức khỏe cộng đồng.

II. NỘI DUNG VÀ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Xây dựng ý thức tự giác chấp hành pháp luật giao thông:

1.1. Mở cuộc vận động lớn trong nhân dân thành phố: “Toàn dân chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật về trật tự và an toàn giao thông đường bộ”; không vi phạm pháp luật giao thông đường bộ, không đua xe trái phép; không lấn chiếm lòng đường, lề đường, vỉa hè để kinh doanh, mua bán, hoặc tập kết phương tiện, vật tư gây ách tắc giao thông. Phấn đấu 100% người dân chấp hành chủ trương đội mũ bảo hiểm khi lưu thông trên đường phố.

1.2. Xây dựng phương án, tăng cường công tác phối hợp giữa các lực lượng: lực lượng cảnh sát giao thông, lực lượng cơ động của Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, lực lượng dân quân tự vệ tại phường - xã, thị trấn và trật tự viên Thanh niên xung phong nhằm điều tiết giao thông trong giờ cao điểm, xử lý kịp thời những điểm thường xuyên xảy ra tình trạng ùn tắc giao thông, phấn đấu giảm số điểm và số vụ ùn tắc giao thông.

1.3. Từng quận - huyện chọn những tuyến đường trọng điểm để thực hiện chủ trương lề thông, hè thoáng, sạch đẹp. Tạo sự chuyển biến rõ nét về trật tự an toàn giao thông và trật tự công cộng.

1.4. Tăng cường kiểm tra, xử lý những hành vi vi phạm pháp luật giao thông đường bộ. Ngăn chặn kịp thời, xử lý thật nghiêm những trường hợp tạt nạn đua xe trái phép. Phân đấu giảm tối đa tai nạn giao thông trên cả 3 mặt: số vụ, số người chết, số người bị thương.

2. Xây dựng nếp sống văn minh nơi công cộng:

2.1. Vận động các tổ chức, doanh nghiệp và nhân dân chấp hành nghiêm pháp luật về bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh nơi ở và nơi công cộng, không vứt rác ra đường phố, xuống lòng kênh, rạch.

2.2. Xây dựng nếp sống văn hóa trên đường phố, giữ gìn vệ sinh, không tiểu tiện, khạc nhổ bừa bãi; Xây dựng thái độ ứng xử văn minh, lịch sự trong nội bộ nhân dân, giữa công chức với nhân dân, giữa công chức với khách nước ngoài.

2.3. Kiểm soát chặt chẽ ô nhiễm công nghiệp, ô nhiễm kênh, rạch, nước thải y tế, chất lượng vệ sinh đô thị. Xử lý nghiêm khắc các doanh nghiệp gây ô nhiễm, bắt buộc triển khai các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, không để phát sinh cơ sở gây ô nhiễm. Phân đấu tỷ lệ chất thải rắn thu gom đạt 100%; tỷ lệ chất thải nguy hại đạt 100%; tỷ lệ xử lý chất thải rắn y tế đạt 100%.

2.4. Có biện pháp giải quyết các tệ nạn xã hội ở công viên, người lang thang, ăn xin, trẻ em cơ nhỡ; kiên quyết đưa vào các trung tâm bảo trợ xã hội hoặc gửi về địa phương, gia đình quản lý.

III. BIỆN PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Nội dung “Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị” được triển khai trên nhiều lĩnh vực, có liên quan đến tất cả các ngành, các địa phương trên địa bàn thành phố; Ủy ban nhân dân thành phố phân công các đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phụ trách từng lĩnh vực chịu trách nhiệm chỉ đạo xây dựng kế hoạch cụ thể. Phân công Sở Giao thông - Công chính làm Thường trực nội dung 1, Sở Văn hóa và Thông tin làm Thường trực nội dung 2, xây dựng kế hoạch, hướng dẫn và theo dõi chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện những nội dung có liên quan.

2. Trách nhiệm của các sở - ngành thành phố:

2.1. Xây dựng kế hoạch triển khai “Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị” tại từng đơn vị; trong đó, cần xác định những nội dung trọng tâm và

biện pháp tập trung giải quyết dứt điểm trong năm 2008; phân công trách nhiệm cụ thể; chủ động phối hợp cơ quan đơn vị liên quan trong tổ chức thực hiện.

2.2. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các đơn vị trực thuộc; thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo định kỳ cho Ủy ban nhân dân thành phố.

2.3. Đối với các sở - ngành được phân công làm Thường trực từng nội dung của Kế hoạch này, ngoài những nhiệm vụ trên, cần:

2.3.1. Chủ động phối hợp với Mặt trận, các Đoàn thể thành phố, các quận - huyện và sở - ngành có liên quan tổ chức các cao điểm ra quân lập lại trật tự, an toàn giao thông, xây dựng nếp sống văn minh nơi công cộng theo nội dung được phân công; sau các đợt cao điểm phải duy trì thường xuyên ở mọi nơi, mọi lúc, ở từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

2.3.2. Chọn khu vực trọng tâm, chỉ đạo thực hiện có kết quả, có sơ tổng kết kịp thời, để nhân rộng các mô hình, giải pháp hiệu quả.

2.3.3. Hướng dẫn cụ thể nội dung và biện pháp để quận - huyện, phường - xã, thị trấn tổ chức thực hiện tốt “Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị”.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn:

3.1. Căn cứ Kế hoạch này, hướng dẫn nội dung, giải pháp thực hiện của các sở - ngành thành phố và tình hình thực tế của địa phương để xây dựng kế hoạch thực hiện “Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị” ở từng quận - huyện, phường - xã, thị trấn, khu phố, tổ dân phố; phân công trách nhiệm cụ thể cho các ban, ngành, đoàn thể và cơ sở tổ chức thực hiện.

3.2. Mỗi quận - huyện, phường - xã, thị trấn chọn một số khu vực và tuyến đường trọng điểm để tập trung các biện pháp tổ chức thực hiện, nhằm tạo ra sự chuyển biến tích cực trong năm 2008.

3.3. Chỉ đạo tập trung, tổ chức bộ máy nhân sự đủ sức để thực hiện kế hoạch trọng tâm này; thường xuyên kiểm tra việc tổ chức thực hiện, kịp thời sơ tổng kết rút kinh nghiệm trong chỉ đạo theo đúng tiến độ.

4. Đẩy mạnh các biện pháp nhằm quán triệt trong cán bộ công chức, tuyên truyền sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân thành phố thông suốt chủ trương của Thành ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố về những nội dung của “Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị”, góp phần nâng cao nhận thức, xây dựng ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi người, từ đó đồng tình hưởng ứng và chấp hành pháp luật, xây dựng nếp sống văn minh đô thị.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các đoàn thể thành phố có kế hoạch tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản quy phạm pháp luật các lĩnh vực nêu trên; xây dựng chương trình hành động và tổ chức các phong trào đoàn viên, hội viên và nhân dân tham gia thực hiện có hiệu quả “Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị”.

Các cơ quan thông tin đại chúng thành phố có kế hoạch tuyên truyền thường xuyên kết quả thực hiện “Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị”, đáp ứng cả yêu cầu xây và chống; kịp thời phát hiện những nhân tố tích cực, hàng tuần có thông tin tổng hợp; tạo dư luận xã hội phê phán mọi hành vi tiêu cực, không chấp hành các quy định của pháp luật, phê phán những cá nhân, đơn vị vi phạm về trật tự an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, tệ nạn xã hội,... Đài Truyền hình thành phố có chuyên mục “Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị” để hàng tuần đưa tin, bài phản ánh kết quả thực hiện và ý kiến của nhân dân.

5. Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo:

5.1. Ngay trong tháng 01 năm 2008, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các đoàn thể thành phố phải xây dựng ngay kế hoạch tổ chức thực hiện chủ trương này.

5.2. Ngày 25 hàng tháng, các cơ quan, đơn vị và địa phương có báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch “Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị” ở đơn vị mình về Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

5.3. Ngày 15 tháng 12 năm 2008, các cơ quan, đơn vị và địa phương phải tổ chức tổng kết, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân thành phố; đồng thời xây dựng kế hoạch thực hiện lâu dài trong những năm tiếp theo.

Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn thực hiện nghiêm túc Kế hoạch này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

HUYỆN CẦN GIỜ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2007/QĐ-UBND

Cần Giờ, ngày 25 tháng 12 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về thành lập Thanh tra Xây dựng huyện Cần Giờ
và Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 89/2007/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ thí điểm thành lập Thanh tra Xây dựng quận, huyện và Thanh tra Xây dựng xã, phường, thị trấn tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 133/2007/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về thí điểm thành lập Thanh tra Xây dựng quận - huyện và Thanh tra Xây dựng phường - xã, thị trấn tại thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay thành lập Thanh tra Xây dựng huyện Cần Giờ và Thanh tra Xây dựng 6 xã, thị trấn trên cơ sở tổ chức lại Đội Quản lý trật tự đô thị huyện và Tổ Quản lý trật tự đô thị xã, thị trấn (có danh sách đính kèm).

Điều 2. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra Xây dựng huyện và Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 04/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân

huyện về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị huyện và Tổ Quản lý trật tự đô thị xã, thị trấn.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Nội vụ huyện, Chánh Thanh tra Xây dựng huyện, Trưởng Phòng Quản lý Đô thị huyện, Trưởng Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện, Trưởng Phòng Tư pháp huyện, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Trưởng Công an huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Hiệp

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH SÁCH THANH TRA XÂY DỰNG XÃ, THỊ TRẤN
*(Kèm theo Quyết định số 11/2007/QĐ-UBND
ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân huyện)*

01. Thanh tra Xây dựng xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ.
02. Thanh tra Xây dựng xã An Thới Đông, huyện Cần Giờ.
03. Thanh tra Xây dựng xã Tam Thôn Hiệp, huyện Cần Giờ.
04. Thanh tra Xây dựng xã Lý Nhơn, huyện Cần Giờ.
05. Thanh tra Xây dựng xã Long Hòa, huyện Cần Giờ.
06. Thanh tra Xây dựng xã Thạnh An, huyện Cần Giờ.
07. Thanh tra Xây dựng thị trấn Cần Thạnh, huyện Cần Giờ.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Xây dựng huyện và Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 11/2007/QĐ-UBND
ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân huyện)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Xây dựng huyện và Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn trong việc thực hiện nhiệm vụ trên các lĩnh vực quản lý xây dựng, trật tự đô thị, vệ sinh môi trường. Quy định về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm và những hành vi bị cấm đối với chủ đầu tư xây dựng công trình; trình tự đình chỉ thi công công trình; trình tự cưỡng chế phá dỡ công trình; thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, xã, thị trấn, Chánh Thanh tra Xây dựng huyện và Thanh tra viên.

Điều 2. Đối tượng điều chỉnh

Đối tượng điều chỉnh của Quy chế này, bao gồm:

1. Cán bộ, công chức làm việc tại Thanh tra Xây dựng huyện và Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn trên địa bàn huyện;
2. Các cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức các ngành có liên quan đến phạm vi áp dụng và chức năng nhiệm vụ được quy định tại Quy chế này;
3. Chủ đầu tư các công trình xây dựng trên địa bàn huyện.

Chương II

VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Mục 1

VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA THANH TRA XÂY DỰNG HUYỆN

Điều 3. Vị trí, chức năng của Thanh tra Xây dựng huyện

Thanh tra Xây dựng huyện là tổ chức Thanh tra trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện; có chức năng giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện thực hiện công tác thanh tra, các nhiệm vụ, quyền hạn về quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.

Thanh tra Xây dựng huyện chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân huyện; đồng thời chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Thanh tra Sở Xây dựng. Thanh tra Xây dựng huyện có trụ sở làm việc, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, được trang bị phương tiện làm việc cần thiết theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Thanh tra Xây dựng huyện

1. Lập chương trình, kế hoạch về tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và về thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong hoạt động xây dựng trên địa bàn để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện;

2. Thực hiện thanh tra, kiểm tra chủ đầu tư, nhà thầu xây dựng công trình trên địa bàn trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về xây dựng; xử lý các hành vi vi phạm theo thẩm quyền; quyết định đình chỉ thi công xây dựng đối với các công trình vi phạm thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn nhưng không xử lý kịp thời hoặc do buông lỏng quản lý; kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xử lý những vụ vi phạm vượt quá thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn;

3. Được yêu cầu các cơ quan quản lý Nhà nước cung cấp các tài liệu như: hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng, giấy phép xây dựng và các tài liệu liên quan khác phục vụ cho công tác thanh tra, kiểm tra; yêu cầu các chủ đầu tư xuất trình giấy phép xây dựng, các tài liệu liên quan đến việc xây dựng công trình;

4. Lập hồ sơ vụ vi phạm pháp luật trong hoạt động xây dựng của chủ đầu tư và nhà thầu xây dựng có dấu hiệu cấu thành tội phạm để kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện chuyển sang cơ quan điều tra xử lý theo quy định của pháp luật;

5. Kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xử lý cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý có hành vi vi phạm pháp luật về trật tự xây dựng hoặc thiếu tinh thần trách nhiệm trong thi hành nhiệm vụ, công vụ;

6. Tổng hợp định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, Thanh tra Sở Xây dựng về tình hình trật tự xây dựng trên địa bàn;

7. Giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực hoạt động xây dựng trên địa bàn;

8. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân huyện và pháp luật về quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn;

9. Giúp Ủy ban nhân dân huyện tổ chức kiểm tra, kịp thời phát hiện, lập biên bản yêu cầu tổ chức và cá nhân đình chỉ ngay các hành vi vi phạm trên các lĩnh vực:

a) Về vệ sinh môi trường trên địa bàn huyện;

b) Về trật tự lòng lề đường, nơi công cộng trên địa bàn huyện.

10. Tham mưu, đề xuất về các hình thức xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật và Quy chế này, trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét quyết định; theo dõi việc thực hiện các quyết định đã ban hành, đôn đốc thực hiện các quyết định đã có hiệu lực thi hành; đề xuất biện pháp cưỡng chế và tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế đối với tổ chức và cá nhân trên địa bàn huyện không tự giác chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên lĩnh vực xây dựng, trật tự đô thị và vệ sinh môi trường theo quy định;

11. Phạm vi thi hành các quyết định hành chính bao gồm: Quyết định giải quyết tranh chấp nhà, đất của cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền đã có hiệu lực pháp luật; quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hình thức phạt bổ sung trên lĩnh vực xây dựng, trật tự đô thị và môi trường (trừ trường hợp có quyết định tạm đình chỉ thi hành theo quy định tại Điều 35, Điều 42 của Luật Khiếu nại, tố cáo); quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố hoặc quyết định giải quyết khiếu nại của các cơ quan hành chính ở Trung ương có hiệu lực thi hành tại địa bàn huyện thuộc lĩnh vực xây dựng, trật tự đô thị và vệ sinh môi trường.

12. Hướng dẫn về hoạt động của Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn và hỗ trợ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thực hiện quyết định cưỡng chế khi có yêu cầu;

13. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện giao.

Mục 2

VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA THANH TRA XÂY DỰNG XÃ, THỊ TRẤN

Điều 5. Vị trí chức năng của Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn

Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn là tổ chức Thanh tra trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, thị trấn; có chức năng giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thực hiện công tác thanh tra, các nhiệm vụ, quyền hạn về quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.

Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức và công tác của Ủy ban nhân dân xã, thị trấn; đồng thời chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Thanh tra Xây dựng huyện. Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn có địa điểm làm việc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn bố trí, được trang bị các phương tiện làm việc cần thiết theo quy định của pháp luật, được sử dụng con dấu và tài khoản của Ủy ban nhân dân xã, thị trấn để hoạt động.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn

1. Chủ trì, phối hợp với các tổ chức trong hệ thống chính trị ở xã, thị trấn trong việc hướng dẫn, tuyên truyền, vận động các tổ chức và nhân dân chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự xây dựng, quản lý, sử dụng đất đai, bảo vệ môi trường trên địa bàn xã, thị trấn.

2. Tiếp nhận và xác nhận việc chủ đầu tư xây dựng công trình nộp hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc xây dựng công trình trên địa bàn theo quy định tại các điểm a, b, khoản 2 Điều 7 Quyết định số 89/2007/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Thanh tra, kiểm tra các chủ đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng, thiết kế xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phát hiện và kịp thời áp dụng các biện pháp ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật như: xây dựng không phép; xây dựng sai giấy phép; xây dựng lấn chiếm hành lang bảo vệ của công trình hạ tầng kỹ thuật, hành lang trên bờ sông, kênh, rạch (theo Quyết định số 150/2004/QĐ-UB ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố) và các công trình khác theo quy định của pháp luật; lấn chiếm vỉa hè, đường phố; coi nói, lấn chiếm không gian; vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, về quản lý, sử dụng đất đai và các hành vi vi phạm pháp luật khác liên quan đến hoạt động xây dựng.

4. Lập biên bản vi phạm pháp luật về xây dựng (có yêu cầu chủ đầu tư xây dựng công trình ngừng thi công xây dựng công trình và tháo dỡ ngay đối với công trình vi phạm); trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn ra quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình, quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm theo trình

tự quy định tại các Điều 9 và Điều 10 Quyết định số 89/2007/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ. Hồ sơ xử lý vụ vi phạm phải được gửi về Thanh tra Xây dựng huyện để báo cáo và lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã, thị trấn.

5. Thông báo công khai hàng ngày trên Đài Truyền thanh xã, thị trấn và các phương tiện thông tin đại chúng về tất cả các trường hợp vi phạm liên quan đến xây dựng trên địa bàn quản lý và hình thức xử lý.

6. Tổng hợp tình hình trật tự xây dựng trên địa bàn, định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân xã, thị trấn và Thanh tra Xây dựng huyện.

7. Thông báo đến cơ quan, đơn vị công tác của cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy định của pháp luật về xây dựng, về nhà ở, quản lý, sử dụng đất đai, bảo vệ môi trường tại địa phương trong quá trình xây dựng, cải tạo, sửa chữa nhà ở.

8. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn và pháp luật về việc không phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về xây dựng, quản lý, sử dụng đất đai và bảo vệ môi trường trên địa bàn.

9. Thực hiện các quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp về:

a) Phối hợp tổ chức cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên các lĩnh vực liên quan theo đúng quy định.

b) Trong việc áp dụng các hình thức phạt bổ sung của quyết định xử lý vi phạm hành chính: tạm giữ phương tiện, công cụ, vật tư được dùng để thực hiện hành vi vi phạm hành chính của tổ chức hoặc công dân; buộc tháo dỡ toàn bộ hoặc một phần công trình xây dựng vi phạm, công trình xây dựng không giấy phép.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn giao.

Chương III

TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ VÀ CÔNG CHỨC

Mục 1

TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ CỦA THANH TRA XÂY DỰNG HUYỆN

Điều 7. Tổ chức của Thanh tra Xây dựng huyện

Thanh tra Xây dựng huyện có một Chánh Thanh tra và có từ 01 đến 02 Phó Chánh Thanh tra và một số Thanh tra viên.

Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra Xây dựng huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật. Chánh Thanh tra Xây dựng huyện chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và pháp luật về toàn bộ hoạt động của Thanh tra Xây dựng huyện. Phó Chánh Thanh tra Xây dựng huyện thực hiện nhiệm vụ do Chánh Thanh tra Xây dựng huyện phân công; chịu trách nhiệm trước Chánh Thanh tra Xây dựng huyện và pháp luật về lĩnh vực được phân công.

Điều 8. Biên chế Thanh tra Xây dựng huyện

Thanh tra Xây dựng huyện có từ 15 đến 20 Thanh tra viên và một số chức danh khác (lái xe, kế toán, tổng hợp kiêm văn thư - lưu trữ, đánh máy kiêm thủ quỹ).

Căn cứ quy mô, đặc điểm và nhu cầu công tác quản lý trên địa bàn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định cụ thể biên chế của Thanh tra Xây dựng huyện trên cơ sở chỉ tiêu biên chế hành chính được Ủy ban nhân dân thành phố giao hàng năm.

Trong những đợt công tác cao điểm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện có thể bố trí lực lượng cộng tác viên Thanh tra Xây dựng huyện để đáp ứng yêu cầu công tác.

Mục 2 TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ CỦA THANH TRA XÂY DỰNG XÃ, THỊ TRẤN

Điều 9. Tổ chức của Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn

Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn phụ trách, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn, Thanh tra Xây dựng huyện và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn.

Điều 10. Biên chế của Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn

Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn thuộc chỉ tiêu biên chế hành chính của huyện, có từ 03 đến 04 Thanh tra viên.

Căn cứ quy mô, đặc điểm và nhu cầu quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định cụ thể biên chế của Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn trên cơ sở chỉ tiêu biên chế hành chính được Ủy ban nhân dân thành phố giao hàng năm.

Trong những đợt công tác cao điểm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện có thể bố trí lực lượng cộng tác viên Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn để đáp ứng yêu cầu công tác.

Mục 3
CÔNG CHỨC LÀM VIỆC TẠI THANH TRA XÂY DỰNG
HUYỆN, XÃ, THỊ TRẤN

Điều 11. Công chức làm việc tại Thanh tra Xây dựng huyện, xã, thị trấn

Công chức làm việc tại Thanh tra Xây dựng huyện, xã, thị trấn chưa được bổ nhiệm Thanh tra viên chuyên ngành xây dựng phải có đủ các tiêu chuẩn quy định tại Quyết định số 165/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ quy định tạm thời tiêu chuẩn Thanh tra viên ngành xây dựng huyện, xã, thị trấn tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Chương IV

QUYỀN, NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM VÀ NHỮNG HÀNH VI
BỊ CẤM ĐỐI VỚI CHỦ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH,
TRÌNH TỰ ĐÌNH CHỈ THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH,
TRÌNH TỰ CƯỠNG CHẾ PHÁ DỠ CÔNG TRÌNH

Mục 1

QUYỀN, NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM VÀ NHỮNG HÀNH VI
BỊ CẤM ĐỐI VỚI CHỦ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Điều 12. Quyền đối với chủ đầu tư xây dựng công trình

Chủ đầu tư xây dựng công trình có các quyền sau:

1. Được cấp phép xây dựng, cải tạo, sửa chữa công trình, nhà ở theo quy định của pháp luật;
2. Được xây dựng, cải tạo, sửa chữa công trình, nhà ở theo đúng giấy phép đã được cơ quan có thẩm quyền cấp (trường hợp được miễn giấy phép theo quy định của pháp luật thì phải thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 13 Quy chế này và các quy định khác của pháp luật liên quan);
3. Từ chối những yêu cầu trái pháp luật của Thanh tra viên xây dựng và các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc cấp phép xây dựng và xây dựng công trình;
4. Khiếu nại, tố cáo đối với các hành vi vi phạm pháp luật của Thanh tra Xây dựng và các tổ chức, cá nhân liên quan;
5. Những quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Nghĩa vụ đối với chủ đầu tư xây dựng công trình

Chủ đầu tư xây dựng công trình có các nghĩa vụ:

1. Thông báo bằng văn bản và nộp cho Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn bản sao giấy phép xây dựng và các giấy tờ khác liên quan có chứng thực theo quy định tại Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký trong thời hạn bảy ngày làm việc trước khi khởi công xây dựng công trình theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 68 của Luật Xây dựng;

2. Trường hợp công trình xây dựng không phải có giấy phép xây dựng theo quy định tại khoản 1 Điều 62 của Luật Xây dựng và khoản 9 Điều 1 Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2006 sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 17 Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, chủ đầu tư phải thông báo bằng văn bản và nộp bản sao các giấy tờ khác liên quan (nếu có và trừ trường hợp công trình bí mật Nhà nước) có chứng thực theo quy định tại Nghị định số 79/2007/NĐ-CP nêu trên cho Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn trong thời hạn bảy ngày làm việc trước khi khởi công xây dựng công trình theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 68 của Luật Xây dựng;

3. Bảo đảm an toàn cho công trình xây dựng và công trình lân cận; trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật; không gây ô nhiễm môi trường trong khu vực lân cận; không gây tiếng ồn trong thi công sau 23 giờ đêm hôm trước đến 05 giờ sáng hôm sau tại khu dân cư; không để vật tư, nguyên liệu và thiết bị thi công gây cản trở giao thông, ô nhiễm môi trường;

4. Chi trả mọi chi phí cho việc tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm;

5. Thực hiện những nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Trách nhiệm đối với chủ đầu tư xây dựng công trình

Chủ đầu tư xây dựng công trình có các trách nhiệm:

1. Thực hiện đúng các quy định ghi trong giấy phép xây dựng và các quy định khác của pháp luật liên quan;

2. Tự tháo dỡ một phần hoặc toàn bộ công trình xây dựng vi phạm ngay sau khi Thanh tra Xây dựng lập biên bản ngừng thi công;

3. Trường hợp không tự phá dỡ bộ phận công trình, công trình vi phạm thì sẽ bị cưỡng chế phá dỡ;

4. Những trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Những hành vi bị cấm đối với chủ đầu tư xây dựng công trình

1. Chủ đầu tư xây dựng công trình không được thực hiện các hành vi bị cấm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 10 của Luật Xây dựng và khoản 5 Điều 8 của Luật Nhà ở;

2. Những hành vi bị cấm khác theo quy định của pháp luật.

Mục 2

TRÌNH TỰ ĐÌNH CHỈ THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Điều 16. Trình tự đình chỉ thi công xây dựng công trình

1. Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về xây dựng, Thanh tra viên xây dựng xã, thị trấn phải lập biên bản, yêu cầu chủ đầu tư ngừng thi công xây dựng và tự phá dỡ bộ phận công trình hoặc công trình vi phạm.

2. Trong thời hạn 24 giờ từ khi lập biên bản (kể cả ngày lễ, ngày Tết, ngày thứ bảy, chủ nhật và ngày nghỉ khác), nếu chủ đầu tư không ngừng thi công xây dựng và không tự phá dỡ bộ phận công trình vi phạm thì người lập biên bản phải trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn ra quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình.

3. Trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm ban hành quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị cấp điện, nước phải dừng ngay việc cấp điện, nước đối với công trình xây dựng vi phạm.

4. Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi ban hành quyết định xử lý vi phạm hành chính và đình chỉ thi công xây dựng công trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn chỉ đạo Trưởng Công an xã, thị trấn tổ chức cấm vận chuyên vật tư, vật liệu và công nhân vào thi công xây dựng công trình vi phạm.

5. Trường hợp chủ đầu tư xây dựng công trình vắng mặt tại công trường thì các đơn vị cấp điện, nước, Công an xã, thị trấn vẫn ngừng cấp điện, nước và thực hiện quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình.

Mục 3

TRÌNH TỰ CƯỠNG CHẾ PHÁ DỠ CÔNG TRÌNH

Điều 17. Trình tự cưỡng chế phá dỡ công trình

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện ngay quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm, đồng thời phải tự phá dỡ các bộ phận công trình hoặc công trình vi phạm.

2. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày ban hành quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình, nếu chủ đầu tư không tự phá dỡ công trình, bộ phận công trình vi phạm hoặc vắng mặt thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn ra quyết định cưỡng chế phá dỡ bộ phận công trình vi phạm và tổ chức phá dỡ.

3. Đối với các công trình xây dựng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện hoặc Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng, sau khi ra quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Thanh tra Xây dựng huyện.

4. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chánh Thanh tra Xây dựng huyện có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn có trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm.

5. Trường hợp đã có quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình nhưng chủ đầu tư, nhà thầu thi công, nhà thầu giám sát và các tổ chức, cá nhân khác vẫn tiếp tục thi công xây dựng công trình thì người có thẩm quyền quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm có trách nhiệm lập hồ sơ để chuyển sang cơ quan điều tra xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương V

THẨM QUYỀN CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN, XÃ, THỊ TRẤN, CHÁNH THANH TRA XÂY DỰNG HUYỆN VÀ THANH TRA VIÊN

Điều 18. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn có thẩm quyền:

1. Quyết định đình chỉ thi công đối với tất cả các loại công trình xây dựng vi phạm pháp luật xây dựng trên địa bàn;

2. Quyết định cưỡng chế phá dỡ đối với các loại công trình xây dựng vi phạm pháp luật xây dựng trên địa bàn, trừ các trường hợp quy định tại Điều 19 của Quy chế này.

Điều 19. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định cưỡng chế phá dỡ đối với các loại công trình xây dựng vi phạm pháp luật xây dựng do Ủy ban nhân dân huyện hoặc do Sở Xây dựng cấp giấy phép sau khi công trình đã bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn đình chỉ thi công xây dựng công trình.

Điều 20. Thẩm quyền của Chánh Thanh tra Xây dựng huyện

Chánh Thanh tra Xây dựng huyện được xử phạt tiền các hành vi vi phạm hành chính tương đương thẩm quyền của Trưởng Công an cấp huyện. Chánh Thanh tra Xây dựng huyện có trách nhiệm thụ lý hồ sơ xử lý vụ vi phạm vượt thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ra quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm theo thẩm quyền.

Điều 21. Thẩm quyền của Thanh tra viên

Thanh tra viên xây dựng huyện, xã, thị trấn đang thi hành công vụ được xử phạt theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 38 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Chương VI**NHỮNG HÀNH VI BỊ CẤM VÀ XỬ LÝ VI PHẠM****Điều 22. Những hành vi bị cấm**

Cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ cấp phép xây dựng, Thanh tra viên và những cán bộ, công chức liên quan ngoài việc phải tuân theo những hành vi bị cấm theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức còn bị cấm những hành vi sau:

1. Cấp phép xây dựng không đúng quy định của pháp luật; sách nhiễu, gây khó khăn cho chủ đầu tư xây dựng công trình khi đến xin phép xây dựng;
2. Áp dụng hình thức phạt tiền cho tồn tại bộ phận công trình, công trình vi phạm;
3. Dung túng, bao che, không xử lý kịp thời các công trình xây dựng vi phạm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý;
4. Nhận tiền, hiện vật hoặc đi ăn, uống và các hoạt động khác theo lời mời của chủ đầu tư xây dựng công trình, nhà thầu xây dựng;
5. Sách nhiễu, gây khó khăn cho chủ đầu tư xây dựng công trình, nhà thầu trong thi công xây dựng công trình khi đã có đủ các hồ sơ, thủ tục, giấy phép và các tài liệu liên quan theo quy định của pháp luật;
6. Các hành vi bị cấm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Xử lý vi phạm

1. Cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ cấp phép xây dựng, Thanh tra viên và các cán bộ, công chức liên quan vi phạm những hành vi bị cấm quy định tại Điều 22 Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật;

2. Thanh tra viên không phát hiện kịp thời các công trình vi phạm, không lập biên bản đình chỉ vi phạm kịp thời, không trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn, Thanh tra Xây dựng huyện hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ra quyết định xử lý vi phạm hành chính và đình chỉ thi công xây dựng, cưỡng chế công trình vi phạm theo thời hạn và trình tự quy định tại Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, phải bồi thường thiệt hại hoặc bị xử lý trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật;

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn, Chánh Thanh tra Xây dựng huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện không ra quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình, quyết định cưỡng chế phá dỡ theo thời hạn và trình tự quy định tại Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, phải bồi thường thiệt hại hoặc bị xử lý trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Chương VII**TRANG PHỤC, PHÙ HIỆU, CẤP HIỆU, BẢN HIỆU,
PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ KỸ THUẬT, PHƯƠNG TIỆN PHÒNG VỆ,
TIÊU CHUẨN VÀ THẨM QUYỀN BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM
CÁC NGẠCH THANH TRA VIÊN CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Điều 24. Trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu, phương tiện, thiết bị kỹ thuật, phương tiện phòng vệ của thanh tra xây dựng

Mẫu văn bản, trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu, phương tiện, thiết bị kỹ thuật, phương tiện phòng vệ của Thanh tra Xây dựng huyện và Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn thực hiện theo Quyết định số 25/2007/QĐ-BXD ngày 30 tháng 7 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Điều 25. Tiêu chuẩn và thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm các ngạch Thanh tra viên chuyên ngành xây dựng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định việc tuyển dụng công chức vào làm việc tại Thanh tra Xây dựng huyện, xã, thị trấn sau khi có kết quả trúng tuyển kỳ thi tuyển của Sở Nội vụ tổ chức.

2. Giám đốc Sở Nội vụ tổ chức việc thi tuyển công chức vào làm việc tại Thanh tra Xây dựng huyện, xã, thị trấn theo chỉ tiêu đăng ký của huyện và quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các ngạch Thanh tra viên chuyên ngành xây dựng huyện, xã, thị trấn theo quy định tại Quyết định số 165/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tạm thời tiêu chuẩn Thanh tra viên ngành Xây dựng quận - huyện và xã - phường, thị trấn tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Chương VIII

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC, CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI THANH TRA XÂY DỰNG HUYỆN, XÃ, THỊ TRẤN

Điều 26. Chế độ làm việc

1. Thanh tra Xây dựng huyện, xã, thị trấn hoạt động theo giờ hành chính và bố trí các Thanh tra viên trực ngoài giờ hành chính, ngày lễ, ngày Tết, thứ bảy, chủ nhật và ngày nghỉ khác để thực hiện nhiệm vụ được giao; được trung tập cộng tác viên thanh tra theo quy định của pháp luật.

Công chức Địa chính - Xây dựng xã, thị trấn thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn giao trong việc giúp Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra.

2. Chánh Thanh tra Xây dựng huyện điều hành toàn bộ hoạt động của Thanh tra huyện và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về hiệu quả công tác của Thanh tra Xây dựng huyện. Chánh Thanh tra Xây dựng huyện phân công công việc cho Thanh tra viên và cán bộ, công chức trực thuộc.

3. Thanh tra viên và cán bộ thanh tra của Thanh tra Xây dựng huyện được phân công nhiệm vụ cụ thể, mặc trang phục theo quy định, có bảng tên đặt tại bàn làm việc đồng thời phải đeo thẻ Thanh tra viên hoặc thẻ công chức khi thi hành nhiệm vụ; Từng thành viên phải có tác phong làm việc tận tụy, thái độ lịch sự khiêm tốn, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của lãnh đạo Thanh tra Xây dựng huyện, của đồng nghiệp, của tổ chức và nhân dân trong quan hệ công tác.

Điều 27. Chế độ hội họp, báo cáo

1. Chánh Thanh tra Xây dựng huyện hàng tuần tổ chức họp giao ban để kiểm tra, đánh giá, nhận xét thực hiện công việc tuần qua và triển khai nhiệm vụ tuần tới. Hàng tháng tổ chức giao ban với các Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn để trao đổi tình hình thực hiện nhiệm vụ, kinh nghiệm công tác và phổ biến các chủ trương, kế hoạch, biện pháp mới của Nhà nước và Ủy ban nhân dân huyện nhằm nâng cao kết quả, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ;

Chánh Thanh tra Xây dựng huyện có thể tổ chức họp đột xuất hoặc họp với Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn để triển khai các công việc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân huyện.

2. Hàng tuần, tháng, quý, 6 tháng và cuối năm, Thanh tra Xây dựng huyện báo cáo sơ - tổng kết công tác và thống kê tình hình thực hiện các quyết định hành chính liên quan đối với Ủy ban nhân dân huyện và Thanh tra Sở Xây dựng.

Điều 28. Chế độ chính sách đối với Thanh tra Xây dựng huyện, xã, thị trấn

1. Thanh tra viên và các chức danh khác được hưởng chế độ tiền lương theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; được hưởng phụ cấp lưu động hệ số 0,6 tiền lương tối thiểu; Thanh tra viên xây dựng được hưởng phụ cấp theo Quyết định số 202/2005/QĐ-TTg ngày 09 tháng 8 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề đối với Thanh tra viên.

2. Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra Xây dựng huyện được hưởng phụ cấp chức vụ tương đương Trưởng, Phó Trưởng phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện.

3. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn phụ trách Thanh tra Xây dựng ngoài việc hưởng lương và phụ cấp theo chức vụ còn được hưởng phụ cấp như Phó Chánh Thanh tra Xây dựng huyện.

4. Thanh tra viên và các chức danh khác khi thi hành công vụ được pháp luật bảo vệ, được khen thưởng và hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

5. Thanh tra viên xây dựng và những người được cấp có thẩm quyền điều động làm công tác cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm pháp luật về xây dựng được hưởng 10% lương tối thiểu cho mỗi ngày tham gia.

Chương IX

KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 29. Nguồn kinh phí hoạt động

Kinh phí hoạt động của Thanh tra Xây dựng huyện, xã, thị trấn do ngân sách Nhà nước ở địa phương cấp và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Tỷ lệ trích và các khoản chi từ nguồn thu phạt

Đề lại 100% các khoản thu phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm pháp luật xây dựng, quản lý, sử dụng đất đai, bảo vệ môi trường cho ngân sách huyện, xã, thị trấn để chi cho hoạt động chuyên môn, làm ngoài giờ hành chính, làm ngày lễ, ngày Tết, thứ bảy, chủ nhật và ngày nghỉ khác của Thanh tra Xây dựng huyện, xã, thị trấn; mua bổ sung phương tiện, thiết bị kỹ thuật và trích thưởng cho Thanh tra Xây dựng huyện, xã, thị trấn. Mức chi cụ thể theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Mức chi thưởng

Về mức chi thưởng do Ủy ban nhân dân thành phố quy định.

Chương X

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC VÀ THÔNG TIN TUYÊN TRUYỀN

Mục 1

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC ĐỐI VỚI THANH TRA XÂY DỰNG HUYỆN

Điều 32. Mối quan hệ công tác đối với Thanh tra Xây dựng huyện

1. Đối với các Sở - ngành thành phố liên quan:

Thanh tra Xây dựng huyện chịu sự thanh tra, kiểm tra của các Sở - ngành về chuyên môn nghiệp vụ theo Quyết định của Giám đốc Sở; được hướng dẫn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, kiến thức pháp luật và chính sách, quy định mới của Sở - ngành có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ.

2. Đối với Thanh tra Sở Xây dựng:

Thanh tra Xây dựng huyện chịu sự hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Thanh tra Sở Xây dựng; phối hợp với Thanh tra Sở Xây dựng trong công tác kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm xây dựng theo quy định.

3. Đối với Ủy ban nhân dân huyện:

Thanh tra Xây dựng huyện chịu sự lãnh đạo và quản lý trực tiếp, toàn diện của Ủy ban nhân dân huyện. Chánh Thanh tra Xây dựng huyện trực tiếp nhận sự chỉ đạo của Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân huyện và phải thường xuyên báo cáo với Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân huyện về kết quả thực hiện nhiệm vụ.

4. Đối với Phòng Quản lý Đô thị, Phòng Tài nguyên - Môi trường:

Phòng Quản lý Đô thị, Phòng Tài nguyên - Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn và cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu về xây dựng, về quy hoạch xây dựng, lộ giới, chỉ giới các loại hành lang an toàn và về môi trường trên địa bàn huyện, nhằm tạo điều kiện giúp Thanh tra Xây dựng huyện hoàn thành tốt nhiệm vụ.

5. Đối với Phòng Nội vụ:

Phòng Nội vụ thẩm định và tham mưu, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện bổ nhiệm Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra Xây dựng huyện; hồ sơ tuyển dụng và bố trí nhân sự công tác tại Thanh tra Xây dựng huyện, xã, thị trấn; giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện đề xuất Sở Nội vụ bổ nhiệm, miễn nhiệm các ngạch Thanh tra viên theo quy định.

6. Đối với Phòng Tài chính - Kế hoạch:

Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm hướng dẫn về kinh phí và các chế độ liên quan (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trích thưởng...) bảo đảm cho Thanh tra Xây dựng huyện hoạt động có hiệu quả.

7. Đối với Công an huyện:

Thanh tra Xây dựng huyện phối hợp với Cảnh sát trật tự cơ động huyện thực hiện chương trình, kế hoạch công tác liên quan trật tự đô thị, trật tự an toàn giao thông theo sự phân công của Ủy ban nhân dân huyện.

8. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và tổ chức xã hội huyện:

a) Thanh tra Xây dựng huyện thường xuyên phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, tổ chức xã hội huyện trong việc tuyên truyền, vận động các tổ chức và cá nhân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật, quy định của Nhà nước trên các lĩnh vực liên quan trật tự xây dựng, trật tự đô thị và vệ sinh môi trường.

b) Khi các tổ chức nêu trên có yêu cầu, kiến nghị những vấn đề thuộc chức

năng, nhiệm vụ của Thanh tra Xây dựng huyện, Chánh Thanh tra Xây dựng huyện có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân huyện giải quyết các yêu cầu đó theo quy định.

c) Đối với các ngành liên quan khác của huyện và Ủy ban nhân dân xã, thị trấn:

Thanh tra Xây dựng huyện có mối quan hệ phối hợp và hỗ trợ trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được quy định;

Trong phối hợp giải quyết công việc, nếu có ý kiến khác nhau mà sau khi trao đổi, bàn bạc chưa thống nhất được những vấn đề quan trọng, Chánh Thanh tra Xây dựng huyện phải báo cáo kịp thời để Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân huyện xem xét, quyết định.

9. Đối với Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn:

Thanh tra Xây dựng huyện hướng dẫn, tập huấn, trao đổi về nghiệp vụ liên quan đối với Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn; phối hợp tổ chức kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm hành chính theo thẩm quyền trên địa bàn xã, thị trấn.

Mục 2

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC ĐỐI VỚI THANH TRA XÂY DỰNG XÃ, THỊ TRẤN

Điều 33. Mối quan hệ công tác đối với Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn

1. Đối với Thanh tra Xây dựng huyện:

Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thực hiện mối quan hệ phối hợp với Thanh tra Xây dựng huyện trong việc cưỡng chế thi hành quyết định buộc tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm thuộc thẩm quyền xử lý của Ủy ban nhân dân huyện trên địa bàn xã, thị trấn;

Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn được sự hướng dẫn nghiệp vụ và tập huấn của Thanh tra Xây dựng huyện.

2. Đối với Ủy ban nhân dân xã, thị trấn:

Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn chịu sự lãnh đạo và quản lý trực tiếp, toàn diện của Ủy ban nhân dân xã, thị trấn. Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn trực tiếp nhận sự chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn và phải thường xuyên báo cáo với Ủy ban nhân dân về kết quả thực hiện những mặt công tác đã được phân công.

3. Đối với Công an xã, thị trấn:

Công an xã, thị trấn hỗ trợ thi hành Quyết định của Ủy ban nhân dân xã, thị trấn cưỡng chế phá dỡ đối với công trình xây dựng vi phạm pháp luật trên địa bàn.

4. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, ngành khác thuộc xã, thị trấn:

Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn có mối quan hệ phối hợp và hỗ trợ công tác trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được quy định;

Khi các tổ chức nêu trên có yêu cầu, kiến nghị những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ liên quan, Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn giải quyết.

5. Đối với công chức phụ trách địa chính - xây dựng xã, thị trấn:

Công chức chuyên môn có trách nhiệm hướng dẫn, cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu quy định về xây dựng, quy hoạch, lộ giới, chỉ giới các loại hành lang an toàn trên địa bàn nhằm tạo điều kiện giúp Thanh tra Xây dựng xã, thị trấn hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Mục 3

THÔNG TIN TUYÊN TRUYỀN

Điều 34. Về thông tin tuyên truyền

Các cơ quan thông tin đại chúng tại huyện, xã, thị trấn có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến nội dung của Quy chế này và các văn bản pháp luật liên quan; phản ánh kịp thời trường hợp vi phạm, tình hình và kết quả xử lý các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực xây dựng do Thanh tra Xây dựng các cấp tại thành phố phát hiện, xử lý.

Chương XI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 35. Chánh Thanh tra Xây dựng huyện phối hợp với các Sở - ngành liên quan tổ chức thực hiện Quy chế này. Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa” hướng dẫn và tạo điều kiện thuận lợi cho chủ đầu tư xây dựng công trình, nhà ở làm thủ tục xin phép xây dựng, cải tạo, sửa chữa công trình, nhà ở theo quy định pháp luật; tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm pháp luật về xây dựng.

Điều 36. Trong quá trình thực hiện, Chánh Thanh tra Xây dựng huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn kịp thời báo cáo tình hình thực hiện, những khó khăn, vướng mắc phát sinh hoặc những nội dung chưa phù hợp; giao Phòng Nội vụ huyện tham mưu Ủy ban nhân dân huyện bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế cho phù hợp. Giao Chánh Thanh tra Xây dựng huyện phối hợp với Phòng Nội vụ tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân huyện tổ chức sơ kết năm và tổ chức tổng kết tình hình thực hiện Quy chế này để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Hiệp

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2007/CT-UBND

Cần Giờ, ngày 28 tháng 12 năm 2007

CHỈ THỊ**Về tăng cường phòng, chống tội phạm đảm bảo an ninh trật tự,
giữ gìn trật tự giao thông Tết Mậu Tý năm 2008**

Trong năm qua, tình hình an ninh trật tự trên địa bàn huyện Cần Giờ được giữ vững, an ninh chính trị ổn định, tội phạm kinh tế, hình sự, ma túy, tệ nạn xã hội được kiềm chế, tai nạn giao thông giảm trên cả 03 tiêu chí. Tuy nhiên, tình hình tranh chấp khiếu kiện còn diễn biến phức tạp đặc biệt trên lĩnh vực đất đai, tội phạm hình sự tăng, nhất là giết người và cướp tài sản, hiếp dâm, trộm cắp, chống người thi hành công vụ... Tội phạm kinh tế, vi phạm hành chính kinh tế, gây rối trật tự công cộng, tệ nạn xã hội xảy ra nhiều, tai nạn giao thông còn xảy ra chết người...

Theo quy luật hàng năm và dự báo vào dịp Tết Nguyên đán Mậu Tý năm 2008, tội phạm, tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông có thể gia tăng. Trước tình hình trên đề tăng cường phòng, chống tội phạm đảm bảo an ninh trật tự an toàn xã hội. Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo:

1. Giao Công an huyện đẩy mạnh công tác nắm tình hình, nâng cao cảnh giác chủ động phòng ngừa, tích cực đấu tranh, tấn công mạnh vào các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, vi phạm hành chính, đảm bảo an toàn tuyệt đối địa bàn trong các ngày Lễ, Tết.

2. Giao cho Ban Chỉ huy Công an huyện có kế hoạch phối hợp với các ngành, các lực lượng vũ trang, mở cao điểm tấn công tội phạm, tập trung đánh mạnh vào bọn tội phạm hình sự, tệ nạn xã hội, vi phạm trật tự an toàn giao thông, phấn đấu kéo giảm 10% số vụ phạm pháp hình sự xảy ra so với thời gian liền kề và giảm 5% so với tháng 01 và tháng 02 năm 2007. Kéo giảm tình hình tai nạn giao thông trên cả 03 tiêu chí, giữ vững địa bàn không có tệ nạn ma túy, mại dâm, không cờ bạc, đá gà và các hình thức cờ bạc trá hình khác, đảm bảo môi trường xã hội trong sạch, lành mạnh.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tập trung lãnh đạo các lực lượng vũ trang ở xã, thị trấn, tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát ngăn chặn mọi hoạt động của các loại tội phạm và tệ nạn xã hội giữ vững an ninh trật tự trên địa bàn. Tuyệt đối

không được để tồn tại các điểm cờ bạc, đá gà... phải có biện pháp tuyên truyền vận động kết hợp với việc xử lý nghiêm đối với các hành vi nêu trên rộng rãi trong nhân dân.

4. Đội Quản lý thị trường phối hợp với Chi cục Thuế, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tăng cường kiểm tra ngăn chặn hàng gian, hàng giả, hàng kém chất lượng, trốn thuế, lậu thuế. Kiên quyết xử lý theo đúng quy định của pháp luật đối với các hành vi vi phạm.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân nâng cao cảnh giác, ý thức phòng ngừa và bảo vệ tài sản của mình, cũng như cộng đồng, chấp hành nghiêm những quy định của Nhà nước, góp phần giữ vững an ninh trật tự chung.

6. Thủ trưởng các cơ quan, doanh nghiệp, trường học, bệnh viện tăng cường lãnh đạo công tác bảo vệ tài sản, bảo vệ an toàn cơ quan, đơn vị, bố trí người trực, đảm bảo an toàn công sở, phấn đấu không để xảy ra mất an ninh trật tự trong cơ quan Nhà nước.

7. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện phối hợp với Trưởng Công an huyện theo dõi, nắm bắt thông tin hàng tuần, tổng hợp báo cáo Thường trực Ủy ban nhân dân huyện trong giao ban; Đồng thời sắp xếp, bố trí lịch kiểm tra đột xuất trong khu dân cư, tại các chợ, tại bến phà, bến đò khách, các cơ quan... về việc triển khai các biện pháp đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông, giá cả hàng hóa trong dịp Tết Nguyên đán Mậu Tý năm 2008.

Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu thủ trưởng các cơ quan, ban ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn triển khai thực hiện tốt Chỉ thị này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Hiệp

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 8.233.686

Fax: (84.8) 8.233.694

Email: ttcb@tphcm.gov.vn

In tại Công ty TNHH 1 thành viên in Người Lao Động

Giá: 5.000 đồng